

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN FGAS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN FGAS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FGAS SHIPPING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FGAS SHIPPING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110572514

3. Ngày thành lập: 14/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, toà nhà Anh Minh, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0332512500

Fax:

Email: fgasshipping@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản) Chi tiết: - Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); - Bán buôn xe có động cơ khác.	4511
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá tài sản) Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống).	4530
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá) Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa; - Cửa hàng bán lẻ LPG chai (Điều 10 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).	4610
7.	Bán buôn đồ uống	4633

8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn dầu thô.	4661
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Xuất khẩu, nhập khẩu khí (Điều 6 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018); - Kinh doanh tạm nhập tái xuất khí (Điều 3 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018); - Dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí (Điều 17 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018); - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 16 Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013).	8299
12.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (theo quy định tại điều 10 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014).	6810
13.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản (theo Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014); - Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản (theo Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014).	6820
14.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
15.	Cho thuê xe có động cơ	7710
16.	Bán buôn tổng hợp	4690
17.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
18.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
19.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
20.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

24.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
25.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
26.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh.	4933
28.	Vận tải đường ống	4940
29.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
30.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012(Chính)
31.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
32.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan (Điều 62 Luật Hải quan 2014); - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác; - Dịch vụ cho thuê bồn chứa, kho chứa LPG chai (Điều 18 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).	5210
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Logistics; - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không (Điều 5 Nghị định 92/2016/NĐ-CP); - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không (Điều 5 Nghị định 92/2016/NĐ-CP); - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
37.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển.	7730
39.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
40.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
41.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
44.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
45.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống Chi tiết: - Sản xuất, chế biến khí (Điều 7 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018); - Trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (Điều 11 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018); - Trạm cấp LPG (Điều 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018); - Dịch vụ vận chuyển khí (Điều 19 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018); - Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống.	3520
46.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
47.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
50.	Tái chế phế liệu	3830
51.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
52.	Xây dựng nhà để ở	4101
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình điện	4221
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

